

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 5325/UBND-KTTH

V/v điều chỉnh dự toán
năm 2022 đối với các đơn
vị dự toán cấp tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thì số biên chế công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh chưa có phát sinh tăng, giảm. Tuy nhiên, xuất phát từ điều kiện thực tế, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định: Số 1915/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi năm 2022, số 2138/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ngãi năm 2022, số 558/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 về việc điều chuyển nội bộ 01 biên chế công chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022, số 741/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 về việc điều chuyển biên chế công chức giữa một số sở, ngành, địa phương năm 2022, số 742/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 về việc điều chuyển số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giữa một số Sở năm 2022. Do đó, để đáp ứng nhu cầu cho các đơn vị thực hiện chi trả tiền lương, các khoản tính chất lương và kinh phí hoạt động cho công chức, viên chức và người lao động được điều động, luân chuyển theo quyết định của cấp có thẩm quyền; theo đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4109/STC-HCSN&DN ngày 13/10/2022, UBND tỉnh thống nhất và đề nghị Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến việc điều chỉnh dự toán năm 2022 đối với các đơn vị dự toán cấp tỉnh, cụ thể:

1. Điều chỉnh giảm 4.215 triệu đồng đối với 06 đơn vị (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Tỉnh ủy); đồng thời, bổ sung dự toán chi đối với 06 đơn vị là 1.093 triệu đồng (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Thu hồi về ngân sách tỉnh khoản kinh phí còn thừa sau khi thực hiện điều chỉnh tại điểm 1 là 3.122 triệu đồng.

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến để triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, P.NC, CBTH;
- Lưu: VT, KTTH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn
Trần Hoàng Tuấn

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NHẠM 2022 THEO BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO ĐÓI VỚI MỘT SỐ ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP TỈNH

Phụ lục



Kính theo Công văn số 532/UBND-KTTH ngày 19/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

TT	Đơn vị	Số biên chế tại thời điểm giao dự toán theo QĐ số 1216/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	Số biên chế được giao thẩm quyền giao năm 2022	Chênh lệch so với số biên chế được giao	Kinh phí điều chỉnh (tr.đồng)	Trong đó		Ghi chú
						Lương và các khoản có tính chất lương (tr.đồng)	Định mức chi thường xuyên (sau khi trừ 10% CCTL) (tr.đồng)	
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	
I	Điều chỉnh tăng	238	248	10	1.093	965	128	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	94	94	0	805	805	0	
	<i>Chi cục Kiểm lâm (Hành chính)</i>	94	94	0	805	805		
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	59	60	1	46	15	31	
	<i>Văn phòng Sở</i>	59	60	1	46	15	31	
3	Sở Công Thương	12	15	3	106	62	44	
	<i>Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh</i>	12	15	3	106	62	44	
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	44	46	2	81	51	30	
	<i>Văn phòng Sở</i>	44	46	2	81	51	30	
5	Sở Thông tin và Truyền thông	15	17	2	27	16	11	
	<i>Trung tâm công nghệ Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi</i>	15	17	2	27	16	11	
6	Sở Nội vụ	14	16	2	28	16	12	
	<i>Trung tâm Lưu trữ lịch sử</i>	14	16	2	28	16	12	
II	Điều chỉnh giảm	461	449	-12	-4.215	-2.249	-1.966	
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	65	65	0	-584	-155	-429	
	<i>Văn phòng Sở (sự nghiệp)</i>	4	1	-3	-266	-155	-111	
	<i>Trung tâm công tác xã hội tỉnh</i>	42	42	0	-198	0	-198	
	<i>Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh</i>	12	15	3	-70	0	-70	
	<i>Quy Bảo trợ trẻ em tỉnh</i>	7	7	0	-50	0	-50	
2	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	87	83	-4	-366	-247	-119	
	<i>Văn phòng Ban (hành chính)</i>	87	83	-4	-366	-247	-119	
3	Sở Tư pháp	23	23	0	-152	0	-152	

TT	Đơn vị	Số biên chế tại thời điểm giao dự toán theo QĐ số 1216/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	Số biên chế được giao được cấp thẩm quyền giao năm 2022	Chênh lệch so với số biên chế được giao	Kinh phí điều chỉnh (tr.đồng)	Trong đó		Ghi chú
						Lương và các khoản có tính chất lương (tr.đồng)	Định mức chi thường xuyên (sau khi trừ 10% CCTL) (tr.đồng)	
A	B	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	
	<i>Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh</i>	23	23	0	-152	0	-152	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	70	70	0	-1.392	-1.072	-320	
	<i>Chi cục Kiểm lâm (Sự nghiệp)</i>	70	70	0	-1.392	-1.072	-320	
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	15	11	-4	-270	-103	-167	
	<i>Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh</i>	15	11	-4	-270	-103	-167	
6	Văn phòng Tỉnh ủy (hành chính)	201	197	-4	-1.451	-672	-779	